

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 05-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

Bà Nguyễn Ngọc Bảo Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Phạm Văn N (tên gọi khác: Ty); sinh năm: 1996 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chung cư H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: / (không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T và bà: Nguyễn Thị Q; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/6/2013 bị Công an phường Phú Trung, quận Tân Phú quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 19777/QĐ-XPHC; bị bắt giữ ngày: 06/9/2019.

2/Phạm Quốc Đ; sinh năm: 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chung cư H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quốc H và bà: Nguyễn Thị Hồng N; tiền án: 01 (ngày 06/7/2016 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt

05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 186/2016/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; bị bắt giữ ngày: 06/9/2019.

3/Lê Thanh T; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường N, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H và bà: Hầu Thị Mỹ U; tiền án: 01 (ngày 25/9/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án số 39/2017/HSST); tiền sự: 01 (ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 5 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng theo Quyết định số 72/QĐ-TA); nhân thân: Ngày 27/12/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 184/2005/HSST, ngày 13/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 27/2012/HSST; bị bắt giữ ngày: 06/9/2019.

(Các bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Nguyễn Linh A – Sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, P, Quận T, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:*

1/Bà Nguyễn Thị Bạch M– Sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường D, Phường I, Quận T, TP.HCM.

2/Bà Nguyễn Hoàng Minh A – Sinh năm: 1961(vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận N, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06/9/2019, Phạm Văn N điều khiển xe mô tô biển số 59L2-731.67 chở Phạm Quốc Đ lưu thông trên đường Nguyễn Tri Phương, Quận 10. Lúc này, N rủ Đ đi cướp giật tài sản, Đ đồng ý; khi cả hai đi đến gần giao lộ đường Nguyễn Tri Phương - đường 3/2 thì gặp Lê Thanh T (là bạn của Đ) điều khiển xe mô tô biển số 59L2-358.25, N tiếp tục rủ T cùng tham gia cướp giật tài sản, T đồng ý. Sau đó, cả ba chạy qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, khi

chạy đến trước nhà số 405 đường Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì N nhìn thấy chị Nguyễn Linh A đang đi bộ và sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone X; N thông báo cho Đ và T biết; N điều khiển xe vòng lại, đi lên lề đường, áp sát phía sau bên trái chị A để Đ ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại di động của chị (lúc này T cũng quay xe và đứng đợi phía sau, cách khoảng 3m); khi bị giật điện thoại, chị A liền thu tay lại nên Đ chưa giật được tài sản. Sau đó, N tăng ga chở Đ bỏ chạy ra hướng đường 3/2, được khoảng 10m thì bị lực lượng tuần tra Công an Quận 10 bắt giữ, riêng T bị bắt ngay tại vị trí dừng xe, cùng vật chứng. Vụ việc được Công an Phường 12, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Iphone X. Tại Kết luận định giá tài sản số 873/KL-ĐGTS ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận chiếc điện thoại trên có trị giá là 11.000.000 đồng, chưa chiếm đoạt được; phía bị hại không có yêu cầu gì khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Phạm Văn N, Phạm Quốc Đ, Lê Thanh T về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Đối với 01 xe mô tô biển số 59L2-731.67; qua xác minh, được biết người đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Bạch M, theo chị M khai đã bán lại xe cho chị Nguyễn Hoàng Minh A (là bạn gái Phạm Quốc Đ). Ngày 06/9/2019, Phạm Quốc Đ mượn chiếc xe trên của chị Minh A để đi mua đồ ăn và sau đó bị bắt như trên. Việc Đ thực hiện hành vi tội phạm, chị Minh A không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 trả lại xe trên cho chị A.

Đối với 01 xe mô tô biển số 59L2-358.25 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua xác minh, được biết người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Trần Đ (ông Đ chết ngày 28/12/2018, qua xác minh gia đình ông Đ hiện có vợ ông Đ là bà Nguyễn Kim A, nhưng chưa liên hệ làm việc được); theo Lê Thanh T khai ngày 06/9/2019 mượn xe của một người bạn tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) và dùng làm phương tiện cùng đồng phạm đi cướp giật tài sản; hiện Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Tại Cáo trạng truy tố số 46/CT-VKS ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Phạm Văn N, Lê Thanh T về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Phạm Quốc Đ về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm đối với bị cáo T), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn) của từng bị cáo và trường hợp phạm tội chưa đạt (chưa chiếm đoạt được tài sản); đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo, xử phạt bị cáo:

Phạm Văn N từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Phạm Quốc Đ từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Lê Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài

liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Quốc Đ, Lê Thanh T thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngoài ra đối với bị cáo Phạm Quốc Đ có nhân thân: Ngày 06/7/2016 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm thông mưu đơn giản, trong đó: Bị cáo N có vai trò tích cực nhất, là người khởi xướng, phát hiện, chở đồng bọn chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát; kể đến là bị cáo Đ là đồng phạm giúp sức tích cực, là người

cung cấp phương tiện và trực tiếp chiếm đoạt tài sản; cuối cùng là bị cáo T là đồng phạm giúp sức có vai trò thứ yếu chỉ mới thống nhất ý chí hành động thực hiện tội phạm đối với các bị cáo khác; ngoài ra các bị cáo còn có nhân thân xấu, cụ thể: Đối với bị cáo N: Ngày 29/6/2013 bị Công an phường Phú Trung, quận Tân Phú quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (đã xóa tiền sự); đối với bị cáo T: Ngày 27/12/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 184/2005/HSST, ngày 13/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã xóa án tích), ngày 31/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 5 quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương; đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung các bị cáo Đ, T một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo T: Ngày 25/9/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của địa phương) và các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và lượng hình thích hợp đối với từng bị cáo; ngoài ra miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N (do mới bị kết án lần đầu).

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và các bên liên quan không có yêu cầu bồi thường gì; nên không có gì để Tòa giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59L2-358.25 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại: BLADE, màu sơn: Trắng Đen, dung tích xi lanh: 109, số khung: RLHJA3614EY145246, số máy: JA36E0280556) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042390 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh, được biết người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Trần Đ (ông Đ chết ngày 28/12/2018, qua xác minh gia đình ông Đ hiện có vợ ông Đ là bà Nguyễn Kim Alba, nhưng chưa liên hệ làm việc được); theo Lê Thanh T khai ngày 06/9/2019 mượn xe của một người bạn tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) và dùng làm phương tiện cùng đồng phạm đi cướp giật tài sản; nên hiện nay chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, trong khi chiếc xe trên lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Quốc Đ, Lê Thanh T phạm tội “Cướp giật tài sản” (Phạm tội chưa đạt).

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn N;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Quốc Đ;

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc Đ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo Đ 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2, 5 Điều 171; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thanh T;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 (mười triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 xe mô tô biển số 59L2-358.25 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại: BLADE, màu sơn: Trắng Đen, dung tích xi lanh: 109, số khung: RLHJA3614EY145246, số máy: JA36E0280556) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042390 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo đầu tiên (ngày 15/03/2020) mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/4/2020 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo N chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo Đ chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, N vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (3)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (6)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (11)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật